

Số: 86 /NQ-HĐND

Sông Lô, ngày 30 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán ngân sách nhà nước huyện Sông Lô năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ
KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về dự toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho các huyện, thành phố, thị xã;

Sau khi xem xét Báo cáo số 487/BC-UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện về đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2019 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Tờ trình số 1903/TTr-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện về xin phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước huyện Sông Lô năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự toán ngân sách nhà nước huyện Sông Lô năm 2020, như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước: 673.585 triệu đồng, bằng 105 % dự toán tỉnh giao, bao gồm:

a) Thu trên địa bàn: 107.140 triệu đồng bằng 149% dự toán tỉnh giao.

b) Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 566.445 triệu đồng.

2. Tổng chi ngân sách địa phương quản lý: 660.379 triệu đồng, bằng 106% dự toán tỉnh giao, gồm:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương: 612.544 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 113.766 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 478.343 triệu đồng.

- Chi dự phòng: 11.304 triệu đồng.

- Chi tạo nguồn CCTL: 9.131 triệu đồng.

b) Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu: 47.835 triệu đồng.

(Chi tiết Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của huyện Sông Lô năm 2020, trong đó có dự toán ngân sách nhà nước của 17 xã, thị trấn trên địa bàn, có biểu số 01, 02, 03, 04 và 05 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. HĐND huyện giao UBND huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND huyện có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khoá I, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 27/12/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính(b/c);
- TTHU, TTHĐND, UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Công TTĐT huyện;
- CPVP UBND huyện,
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



*** Phan Quang Tài**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020
 (Kèm theo Nghị quyết số: 86 /NQ-HĐND ngày 30 / 12 /2019 của HĐND huyện Sông Lô)



Đvt: Nghìn đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2020		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	72.140.000	107.140.000	
I	Tổng thu cân đối NSNN	72.140.000	107.140.000	
1	Thu nội địa	72.140.000	107.140.000	
II	Thu để lại quản lý qua NSNN			
B	Thu ngân sách địa phương	625.379.000	660.379.000	
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	58.934.000	93.934.000	
	- Thu NSDP được hưởng 100%	2.790.000	2.790.000	
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	56.144.000	91.144.000	
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	566.445.000	566.445.000	
	- Bổ sung cân đối	518.610.000	518.610.000	
	- Bổ sung có mục tiêu	47.835.000	47.835.000	
3	Thu để lại quản lý qua NSNN			
C	Tổng chi Ngân sách địa phương	625.379.000	660.379.000	
I	Chi NSDP quản lý	625.379.000	660.379.000	
1	Chi đầu tư phát triển	78.766.000	113.766.000	
	- Chi đầu tư XDCB	58.766.000	58.766.000	
	- Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	20.000.000	55.000.000	
2	Chi thường xuyên	486.423.000	478.343.000	
	- Chi sự nghiệp Kinh tế	19.924.000	18.410.000	
	- Chi sự nghiệp Giáo dục	230.665.000	226.239.000	
	- Chi sự nghiệp Y tế	29.093.000	29.081.000	
	- Chi sự nghiệp Văn hóa và thông tin	7.103.000	6.862.000	
	- Chi sự nghiệp Truyền thanh	1.209.000	1.171.000	
	- Chi sự nghiệp Thể dục thể thao	2.060.000	2.008.000	
	- Chi sự nghiệp Môi trường	8.674.000	8.487.000	
	- Chi đảm bảo tác xã hội	47.280.000	47.198.000	
	- Chi quản lý hành chính	128.853.000	127.656.000	
	- Chi an ninh	1.769.000	1.705.000	
	- Chi quốc phòng	7.373.000	7.289.000	
	- Chi khác ngân sách	2.420.000	2.237.000	
3	Dự phòng ngân sách	11.304.000	11.304.000	
4	Tạo nguồn CCTL	1.051.000	9.131.000	
5	Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu	47.835.000	47.835.000	



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số: 86 /NQ-HĐND ngày 30 / 12 /2019 của HĐND huyện Sông Lô)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán 2020		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn(I+II):	72.140.000	107.140.000	
I	Tổng các khoản thu cân đối	72.140.000	107.140.000	
1	Thu DN QDTW	-	-	
2	Thu DN QD ĐP	30.000	30.000	
	-Thuế GTGT			
	-Thuế TNDN			
	-Thuế Tài nguyên	30.000	30.000	
	- Thu khác			
3	Thu NQD	20.000.000	20.000.000	
<i>a</i>	<i>Thu từ các DN</i>	<i>19.200.000</i>	<i>19.200.000</i>	
	-Thuế GTGT	9.600.000	9.600.000	
	-Thuế TNDN	650.000	650.000	
	-Thuế Tài nguyên	8.950.000	8.950.000	
	- Thu khác			
<i>b</i>	<i>Thu từ các hộ SX kinh doanh</i>	<i>800.000</i>	<i>800.000</i>	
	-Thuế GTGT	800.000	800.000	
4	Thu lệ phí trước bạ	22.000.000	22.000.000	
	-Trước bạ nhà đất	600.000	600.000	
	Trước bạ không phải nhà đất	21.400.000	21.400.000	
5	Thuế sử dụng đất phi NN	70.000	70.000	
6	Thuế thu nhập cá nhân	1.800.000	1.800.000	
7	Thu phí và lệ phí	2.070.000	2.070.000	
	-Thuộc NSTW	-	-	
	-Thuộc NS cấp tỉnh			
	-Thuộc NS cấp huyện	2.000.000	2.000.000	
	-Thuộc NS cấp xã	70.000	70.000	
8	Tiền sử dụng đất	20.000.000	55.000.000	
	-Thu theo giá quy định			
	- Thu đấu giá quỹ đất tạo vốn XDHT, đấu giá đất dịch vụ các dự án cấp huyện làm CĐT	10.000.000	15.000.000	
	- Thu đấu giá quỹ đất tạo vốn XDHT, đấu giá đất dịch vụ các dự án cấp xã làm CĐT	10.000.000	40.000.000	
9	Tiền thuê đất	800.000	800.000	
10	Thu tiền cấp quyền khai thác KS	4.650.000	4.650.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020
 (Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 30 / 42 /2019 của HĐND huyện Sông Lô)



Đvt: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán 2020		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	
	Tổng chi ngân sách huyện:	625.379.000	660.379.000	
A	Tổng chi trong cân đối	577.544.000	612.544.000	
I	Chi đầu tư phát triển	78.766.000	113.766.000	
1	Chi đầu tư XDCB	58.766.000	58.766.000	
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	20.000.000	55.000.000	
II	Chi thường xuyên	486.423.000	478.343.000	
1	Chi sự nghiệp Kinh tế	19.924.000	18.410.000	
2	SN giáo dục và đào tạo	230.665.000	226.239.000	
3	SN y tế	29.093.000	29.081.000	
4	SN Văn hóa thông tin	7.103.000	6.862.000	
5	Truyền thanh	1.209.000	1.171.000	
6	SN Thể dục thể thao	2.060.000	2.008.000	
7	Sự nghiệp môi trường	8.674.000	8.487.000	
8	Đảm bảo xã hội	47.280.000	47.198.000	
9	Quản lý hành chính	128.853.000	127.656.000	
10	Chi an ninh	1.769.000	1.705.000	
11	Chi quốc phòng	7.373.000	7.289.000	
12	Chi khác NS	2.420.000	2.237.000	
III	Dự phòng	11.304.000	11.304.000	
IV	Chi tạo nguồn CCTL	1.051.000	9.131.000	
B	Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu	47.835.000	47.835.000	

